

Bản án số: 57/2024/DS-PT
Ngày 07- 3- 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Ngô Kim R, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị T1.

3.3. Bà Nguyễn Thị D

3.4. Ông Nguyễn Văn Q

3.5. Ông Nguyễn Văn T2

3.6. Ông Nguyễn Văn H.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà D, ông T2, ông H, ông Q: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3.6 Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T3. Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thanh T4 - Phó trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường thị xã G (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Ngô Kim R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà D, ông T2, ông H, ông Q trình bày: Ông Nguyễn Văn L có yêu cầu bà Ngô Kim R giao trả phần đất diện tích 327m² đất tại ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Nguồn gốc đất là của cha mẹ ruột của ông L, do nhận lại từ địa chủ. Đến khoảng năm 1987 thì cha ông L là cụ Nguyễn Văn T5 có sang cho bà Ngô Kim R phần đất là 10 công tầm cây, chỉ sang phần phía ruộng phía sau, còn phần đất hiện có tranh chấp là không có sang. Phần đất tranh chấp gia đình ông để đó không có sử dụng mà chủ yếu để cho bà con có ai chết thì mang đến chôn, ai không có chỗ ở đến hỏi thì anh em ông cho mượn để ở. Năm 2002 ông L có cho chính quyền địa phương mượn phần đất để cất trụ sở ấp (hỏi mượn ngay chỗ phần đất tranh chấp) thời hạn là 05 năm đến hết 05 năm thì T6 ấp mới có tiếp tục hỏi để gia hạn thêm chờ có phần đất khác sẽ cất trụ sở. Khi chính quyền địa phương trả lại đất, đến năm 2010 ông L kêu xe đồ đất để nâng làm chỗ ở thì bà R ngăn cản nên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Nay, ông L yêu cầu bà Ngô Kim R giao trả phần đất lại cho diện tích theo đo đạc thực tế nêu trên.

Bị đơn bà Ngô Kim R trình bày: Theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn L thì bà R không đồng ý với lý do: Đất này có nguồn gốc trước đây là của vợ chồng bà R mua của ông Nguyễn Văn T5 là cha ruột ông Nguyễn Văn L, mua vào năm 1984 với diện tích là hơn 10 công tầm cây với giá là 150 gia lúa, khi mua có làm giấy tay nhưng lâu quá nên giấy bị thất lạc. Mua phần đất có vị trí như sau:

- Dưới mặt trời lặn giáp với đất ông Quách X (Sau này ông X bán lại cho ông Ngô Văn H1);
- Hướng mặt trời mọc thì giáp với đất ông Thái C và ông Quách Văn D1;
- Hướng trong giáp đất ông Cái Văn L1
- Hướng ngoài là giáp Quốc Lộ A (nhưng trước Quốc Lộ A là có cái địa của bà Lâm Dinh L2)

Đến năm 1991 bà R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp diện tích là 14.500m² tại thửa số 344, tờ bản đồ số 05, thửa 343 do bà R đứng tên nhưng chưa được cấp giấy và hiện thửa đất này đang có tranh chấp với ông L bây giờ. Nhưng khi chuyển nhượng từ ông T5 thì bà R1 chuyển nhượng toàn bộ bao gồm đất nông nghiệp, còn phần phía trước (phần tranh chấp bây giờ) bà R đắp nền để làm sân lúa và là nơi suốt lúa.

Đến năm 2000 thì chuyển đổi qua nuôi tôm, thì phần đất phía trước là sân lúa (phần đất đang có tranh chấp bây giờ) thì bà R cho mượn một phần để cất trụ sở ấp, phía sau trụ sở ấp thì bà R cất chòi giữ vuông, cặp bên đào ao vào tôm con, phía trước cửa chòi thì khoang cây nước. Đến năm 2004 thì bồi thường Quốc Lộ A, nhưng bà L2 nhận tiền bồi hoàn do phía trước là cái địa của bà L2. Từ đó bà R xác định đất này là của bà R nên bà R không đồng ý theo yêu cầu của ông L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn S trình bày: Sự việc tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn L và bà Ngô Kim R (Vợ ông S), sự việc tranh chấp này ông S không có ý kiến và thống nhất với lời trình bày của bà Ngô Kim R.

Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn H trình bày theo lời khai: Theo yêu cầu của ông L thì chúng tôi đồng ý và cụ thể là trước đây khi ông L khởi kiện thì các anh em có ủy quyền cho ông L để tham gia giải quyết tranh chấp với bà Ngô Kim R. Ông L được quyền thay mặt các anh em trình bày và quyết định các vấn đề có liên quan đến phần đất tranh chấp nêu trên với bà Ngô Kim R. Bên cạnh đó, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L thì các anh em chúng tôi đồng ý giao cho ông L phần đất này và không có yêu cầu gì hết.

Đại diện UBND thị xã G trình bày theo lời khai: Theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn L có yêu cầu bà Ngô Kim R giao trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 327m² đất tại ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo Công văn số 118/TNMT của Phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã G xác định, phần đất tranh chấp nêu trên thuộc thửa số 7 tờ bản đồ số 84 hiện tại chưa cấp cho hộ gia đình, cá nhân nào. Do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Buộc bà Ngô Kim R có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn L phần đất cụ thể như sau:

Hướng Đông: giáp đất bà T7, cạnh dài 20,7m;

Hướng T8: giáp khu đất nghĩa địa (chòm mã), cạnh dài 21,7m;

Hướng Nam: Phần đất vị trí thứ I dài 5,0m + 7,85m;

Hướng Bắc: giáp đất bà R, cạnh dài 7,85m + 3,15m.

Diện tích 248,6m² đất tại Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thửa số 7, tờ bản đồ số 84 (theo bản đồ chính quy 378 năm 2008).

Ông Nguyễn Văn L có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với yêu cầu bà R giao trả phần đất diện tích 78,7m² thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 84 (theo bản đồ chính quy 378 năm 2008), đất tại ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 8 năm 2023 bị đơn bà Ngô Kim R kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá lại các tài liệu, chứng cứ vụ án và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L vì không có cơ sở, căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà R vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Kim R, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của bà Ngô Kim R trong thời hạn luật định và đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện ông Nguyễn Văn S và Ủy ban nhân dân thị xã G vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2019 và tại mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ngày 01/8/2019 thể hiện phần đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông: giáp đất bà T7, cạnh dài 20,7m;

Hướng T8: giáp khu đất nghĩa địa (chòm mã), cạnh dài 21,7m;

Hướng Nam: Phần đất vị trí thứ I dài 5,0m + 7,85m;

Hướng Bắc: giáp đất bà R, cạnh dài 7,85m + 3,15m.

Diện tích 248,6m² đất tại Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thửa số 7, tờ bản đồ số 84 (theo bản đồ chính quy 378 năm 2008).

[3] Xét đơn kháng cáo của bà Ngô Kim R yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

[3.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông L và bà R đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn T5 (cha ông L). Bà R cho rằng, năm 1984 vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông L; còn ông L xác định ông T5 không có chuyển nhượng đất tranh chấp. Xét thấy, bà R cho rằng đã nhận chuyển nhượng đất tranh chấp nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, thực tế bà R chỉ nhận chuyển nhượng phần đất của ông T5 theo diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là 14.197,7m² thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 14 cho bà R.

[3.2] Ông L và bà R đều xác định đất tranh chấp là sân phơi lúa, sau đó có cho chính quyền địa phương xây dựng trụ sở ấp từ năm 2002 đến năm 2010. Xét thấy:

Quá trình xác minh đối với ông Dương Hùng T9 ngày 15/6/2023 xác định: *Năm 2010 ông T9 về làm Trưởng ấp thì ông L mới mang tờ giao kèo mượn đất năm 2002 cho xem nói thời điểm mượn đất hết và yêu cầu trả đất. Lúc này hỏi ông D2, ông B xác định có mượn đất của ông L, nên viết giấy gia hạn. Sau đó vài tháng trả đất cho ông L.*

Tại lời khai ông Phan Công D3 ngày 15/6/2023 xác định: *Trước đây ông là Trưởng ban N thì địa phương có mượn một phần đất của ông L để làm trụ sở, vị trí mượn là phần đất L – Rõ đang tranh chấp. Ông D3 là người trực tiếp hỏi mượn không có giấy tờ gì. Đến 2002 là tờ giấy giao kèo (có ông B, ông T10, ông T11 ký tên). Năm 2010 trả đất cho ông L. Khi cất trụ sở thì bà R không có ý kiến gì, đến khi tranh chấp mới biết là bà R nói đất của bà R.*

Tại lời khai ông Phạm Thanh B1: *Năm 2002, có mượn đất của ông L làm trụ sở ấp, ông D3 trực tiếp hỏi mượn (ông T11 ký tên nhưng hiện bị bệnh tai biến không còn minh mẫn; ông C1 hiện bỏ địa phương đi). Biết nguồn gốc đất là của ông L.*

Biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Trung T12 ngày 15/6/2023: Ông T13 xác định năm 1996-2002 ông là trưởng ban nhân dân ấp 03 năm và làm bí thư chi bộ

03 năm. Khi về làm thì trụ sở đã cất rồi; không rõ đất cất trụ sở là của ai, nhưng biết nguồn gốc đất của ông 7 T14 (cha ông Lục); sân lúa có nhiều người sử dụng. Năm 2002 chuyển công tác không biết có làm giấy tờ gì mượn đất hay không.

Theo lời trình bày của các ông T9, D3, B1 thì có việc mượn đất của ông L để làm trụ sở ấp chứ không phải của bà R.

[3.3] Xét quá trình sử dụng đất: Thấy rằng, cả ông L, bà R đều xác định phần đất đang có tranh chấp trước đây là sân lúa. Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông Nguyễn Trung T12 xác định bà R có sử dụng phần đất để làm sân lúa nhưng phần sân lúa này được sử dụng chung cho các hộ dân có đất, không phải sử dụng riêng cho cá nhân bà R. Bên cạnh đó, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu bà R được cấp diện tích 14.500m², còn phần đất hiện đang có tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến khi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2005 bà R cũng chỉ được đăng ký cấp lại 14.197,7m² phù hợp với diện tích sử dụng thực tế mà bà R đang sử dụng.

[3.4] Bà R xác định, bà đã được đứng tên trong sổ mục kê. Tuy nhiên, theo Công văn số 255 ngày 22/7/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G thể hiện phần đất tranh chấp một phần thuộc đất bảo lưu lộ giới, một phần thuộc thửa số 07 tờ bản đồ số 84; Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thì vị trí số 07 tờ bản đồ số 84 quy hoạch là đất nghĩa địa.

Tại Công văn số 822 ngày 20/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã G thể hiện: Phần đất này UBND thị xã G và UBND xã T không quản lý và cũng không phải là đất công cộng, nên việc tranh chấp của các đương sự nếu Tòa án giao đất cho ai thì người đó được quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm, bà R cung cấp các tài liệu: Biên bản đo đạc hiện trạng; mảnh trích đo địa chính; sổ mục kê; giấy xác nhận; phiếu cung cấp thông tin. Những tài liệu này không thể hiện phần đất tranh chấp là của bà R.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn T5 (hàng thừa kế của ông T5 gồm ông L và Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn H những người này có ý kiến đồng ý để ông L yêu cầu khởi kiện và tự nguyện đồng ý giao đất cho ông L) nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà R; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 61/2021/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà R được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1, 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157, Điều 158, 165, 166, Điều 227 và 228, Điều 244, 262, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166, 170 và 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Kim R. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Buộc bà Ngô Kim R có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn L phần đất cụ thể như sau:

Hướng Đông: giáp đất bà T7, cạnh dài 20,7m;

Hướng T8: giáp khu đất nghĩa địa (chòm mã), cạnh dài 21,7m;

Hướng Nam: Phần đất vị trí thứ I dài 5,0m + 7,85m;

Hướng Bắc: giáp đất bà R, cạnh dài 7,85m + 3,15m.

Diện tích 248,6m² đất tại Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thửa số 7, tờ bản đồ số 84 (theo bản đồ chính quy 378 năm 2008).

Ông Nguyễn Văn L có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với yêu cầu bà R giao trả phần đất diện tích 78,7m² thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 84 (theo bản đồ chính quy 378 năm 2008), đất tại ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá: Bà Ngô Kim R2 có nghĩa vụ chịu tiền chi phí đo đạc, thẩm định và định giá là 2.230.000 đồng. Ông L đã dự nộp tiền chi phí đo đạc, thẩm định là 2.230.000 đồng được nhận lại từ bà R số tiền là 2.230.000 đồng.

Buộc bà Ngô Kim R có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L tiền chi đo đạc, thẩm định là 2.230.000đ.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Kim R có nghĩa chịu tiền án phí 300.000 đồng, ông L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012753 ngày 04/3/2019 được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Kim R được miễn nộp.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Dương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lệ Kiều